TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/ HNGĐ – ST
Ngày 14-3-2018.
V/v: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thành.

2. Ông Nguyễn Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thái Hà– Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 14 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 507/2017/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc:" *Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:10/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T - Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 07, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

***- Bị đơn*:** Anh Trần Trung H - sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 07, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2017; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Trần Trung H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22-07-2012 tại UBND xã A, Thành phố Y, tỉnh Yên Bái, trên cơ sở tự nguyện. Chị T và anh H chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp nên hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng

không thành, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung : Chị T và anh H có 01 con chung, là cháu Trần Khánh H – sinh ngày 14-01-2013. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa anh Trần Trung H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Trung H nhất trí với ý kiến của chị T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ khoảng đầu năm 2017 là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2017 đến nay. Không ai còn quan tâm đến ai. Anh H xác định tình cảm vợ chồng đã hết nay chị T xin ly hôn anh H cũng đồng ý.

Về con chung: Anh H và chị T có 01 con chung là cháu Trần Khánh H – sinh ngày 14-01-2013. Hiện cháu H đang ở cùng anh H tại Tổ 7, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Nguyện vọng của anh H là được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H, không yêu cầu chị Trang cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung : Anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Huyền T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái giải quyết về việc: " Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" giữa chị với Trần Trung H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Trần Trung H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 22-07-2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị T và anh H đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56

của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huyền T đối với anh Trần Trung H.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Trần Trung H có 01 con chung là cháu Trần Khánh H – sinh ngày 14-01-2013. Chị T và anh H cùng có nguyện vọng được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H và không bên nào yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị T và anh H là được trực tiếp nuôi dưỡng , giáo dục con chung sau khi ly hôn đều chính đáng. Nhưng việc giao con cho ai nuôi cũng phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Mặt khác, từ khi chị T và anh H sống ly thân, cháu H vẫn ở cùng anh H và có cuộc sống ổn định. Cần giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay, giao cháu H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Các vấn đề khác.

- Về án phí : Chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn anh Trần Trung H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Khánh H – sinh ngày 14-01-2013 cho anh Trần Trung H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Huyền T không phải cấp dưỡng nuôi cháu H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu H mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000354 ngày 29-12-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y, tỉnh Yên Bái (Chị T đã nộp đủ tiền án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Trần Trung H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Y;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Y;
- Các đương sự;
- UBND xã A, Thành phố Y;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Hòa